

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND

Số/No.: 256/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023
Hanoi, day 10 month 04 year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
 - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
 - Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAVND
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 07/04/2023
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	ACB	2700	7.1%
2	CTG	400	1.3%
3	DHC	100	0.4%
4	EIB	200	0.4%
5	FPT	1800	15.3%
6	GMD	1200	6.6%
7	KDH	700	2.1%
8	MBB	3200	6.3%
9	MSB	2000	2.6%
10	MWG	3400	14.1%
11	NLG	200	0.6%
12	OCB	900	1.6%
13	PNJ	1500	12.2%
14	REE	900	6.6%
15	TCB	2900	9.1%
16	TPB	1200	2.9%
17	VIB	1300	2.9%
18	VPB	3000	6.6%
II.	Tiền / Cash (VND)	11,001,072	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 932,625,000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 943,626,072 VND
 - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 11,001,072 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	24,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	FPT	80,300	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

3	MBB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
4	MWG	39,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	REE	69,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	TCB	29,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TPB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	VIB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có) / *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	07/04/2023	06/04/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	5,400,000	5,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	9,440	(***)	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	50,955,807,904	51,480,484,113	(524,676,209)
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	943,626,072	953,342,298	(9,716,226)
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	9,436.26	9,533.42	(97.16)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,584.25	1,582.94	1.31

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 06/04/2023*

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 05/04/2023*

(***) Ngày 07/04/2023 là ngày niêm yết đầu tiên của CCQ nên không có Giá đóng cửa tại ngày 06/04/2023

There is no closing price at 06/04/2023 because 07/04/2023 is the first trading date of the Fund

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Phan Hong Suk